

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
về phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025

Hà Giang là tỉnh miền núi, biên giới, địa đầu cực Bắc của Tổ quốc có diện tích đất lâm nghiệp lớn, trên 576.300 ha, chiếm 72,69% diện tích tự nhiên toàn tỉnh. Theo kết quả theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp công bố năm 2021, diện tích rừng tự nhiên 381.823,8 ha; diện tích rừng trồng đã thành rừng 78.220,5 ha; diện tích rừng trồng chưa thành rừng 10.882,8 ha; diện tích rừng khoanh nuôi tái sinh 33.272 ha và diện tích đất lâm nghiệp chưa có rừng 72.122,3 ha. Đây là tiềm năng, lợi thế trong phát triển kinh tế xã hội và đặc biệt quan trọng trong việc đảm bảo sinh kế, nâng cao thu nhập cho người dân, góp phần giảm nghèo bền vững. Trong giai đoạn 2016 - 2020, tỉnh đã ban hành Nghị quyết chuyên đề, chương trình, kế hoạch để phát huy lợi thế về lâm nghiệp; giá trị sản xuất lâm nghiệp năm 2020 đạt 1.552,8 tỷ đồng, chiếm 11,53% trong cơ cấu giá trị của nhóm ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản; tỷ lệ che phủ rừng toàn tỉnh tăng từ 54,84% lên 58%; chất lượng các loại rừng ngày càng được cải thiện, nhất là chức năng phòng hộ đầu nguồn, phòng hộ biên giới, duy trì nguồn nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất; huy động được trên 1.722 tỷ đồng để trồng mới trên 38.300 ha rừng, bảo vệ ổn định trên 375.600 ha, khoanh nuôi tái sinh trên 20.600 ha rừng tự nhiên góp phần cải thiện môi trường sinh thái, bảo tồn các loài động, thực vật quý hiếm và đa dạng sinh học.

Tuy nhiên, ngành lâm nghiệp vẫn bộc lộ một số hạn chế, cụ thể: Năng suất, chất lượng, giá trị kinh tế từ rừng trồng còn thấp so với bình quân vùng và cả nước (năng suất bình quân đạt khoảng 70m³/ha). Diện tích thực hiện phương thức quản lý rừng bền vững và được cấp chứng nhận quản lý rừng bền vững (FSC) chưa nhiều, đạt 9.162,47 ha, chiếm 14,8% so với diện tích rừng kinh tế. Sản phẩm từ rừng trồng chưa đáp ứng yêu cầu nguyên liệu cho chế biến gỗ phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Tiến độ giao rừng cho hộ gia đình, cộng đồng còn chậm (đạt 22% tổng diện tích rừng hiện có). Tình trạng khai thác, tàng trữ, buôn bán, vận chuyển lâm sản trái phép còn diễn ra. Công tác quản lý quy hoạch 3 loại rừng còn nhiều bất cập, ranh giới chưa rõ ràng. Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế là do: Công tác tuyên truyền, phổ biến và thực thi Luật Lâm nghiệp chưa được sâu, rộng; nhận thức của người dân về phát triển rừng bền vững còn yếu; có lúc, có nơi chưa cương quyết xử lý các hành vi xâm hại đến rừng, chưa phát huy được vai trò của cấp ủy, chính quyền cơ sở, chủ rừng và người dân trong bảo vệ, phát triển

rừng. Cơ sở vật chất phục vụ cho công tác bảo vệ rừng còn thiếu thốn, chưa đồng bộ; nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ và phát triển rừng còn khó khăn; chưa thực hiện tốt việc quản lý các dự án bảo vệ, phát triển rừng. Chất lượng, sản lượng rừng kinh tế còn thấp, chưa tạo được sức hút đối với các doanh nghiệp đầu tư trồng, bao tiêu, chế biến các sản phẩm từ gỗ rừng trồng và lâm sản ngoài gỗ.

I- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Phát triển lâm nghiệp bền vững phải đi đôi với trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng đầu nguồn, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Thực hiện hài hòa các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, bảo tồn đa dạng sinh học và từng bước nâng cao độ che phủ rừng, giá trị dịch vụ môi trường rừng và nâng cao thu nhập cho người dân.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Phát triển lâm nghiệp bền vững dựa trên tiềm năng, lợi thế về điều kiện tự nhiên, thổ nhưỡng, khí hậu của tỉnh nhằm bảo vệ chặt chẽ, phát huy hợp lý, hiệu quả diện tích rừng tự nhiên, nâng cao chất lượng rừng trồng gắn với cấp chứng nhận quản lý rừng bền vững (FSC) và chế biến sâu lâm sản; đẩy mạnh phát triển lâm sản ngoài gỗ, trồng được liệu dưới tán rừng gắn với phát triển du lịch sinh thái.

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo xuyên suốt của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và nâng cao vai trò, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước các cấp, sự vào cuộc tích cực của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân, doanh nghiệp được giao rừng trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Bảo vệ diện tích rừng tự nhiên hiện có, trọng tâm là rừng phòng hộ, rừng đặc dụng gắn với đẩy mạnh trồng rừng bổ sung, khoanh nuôi, tái sinh rừng. Thiết lập quản lý, bảo vệ và phát triển rừng với diện tích đất quy hoạch để phát triển lâm nghiệp theo quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050.

Thực hiện giao rừng cho hộ gia đình, cộng đồng đạt từ 40% tổng diện tích rừng tự nhiên trở lên. Phấn đấu đến năm 2025, độ che phủ rừng đạt 60%; diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững đạt 6.500 ha, nâng tổng diện tích rừng được cấp chứng nhận quản lý rừng bền vững (FSC) đạt 15.600 ha.

Trồng mới 19,7 triệu cây xanh, trong đó: Trồng rừng sản xuất tập trung 5.840 ha, tương ứng 9,7 triệu cây; trồng cây phân tán, đa mục tiêu tại khu vực đô thị và nông thôn 10 triệu cây.

Nâng cao chất lượng rừng sản xuất đa mục tiêu, quan tâm các loại rừng trồng có giá trị kinh tế cao, phân đầu năng suất rừng trồng bình quân đạt 80 - 120m³/ha/chu kỳ 07 năm trở lên. Tổ chức khai thác và trồng lại rừng sau khai thác với diện tích khoảng 13.560 ha. Thu hút, phát triển các cơ sở sản xuất giống cây lâm nghiệp chất lượng cao và cơ sở chế biến gỗ gắn với trồng cây dược liệu dưới tán rừng. Phân đầu giá trị sản xuất lâm nghiệp đạt 20% trong cơ cấu giá trị của nhóm ngành Nông, lâm nghiệp, thủy sản.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp và nhân dân trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững, tạo sự đồng thuận cao trong toàn xã hội để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển lâm nghiệp bền vững.

Xác định nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng là của toàn dân, toàn xã hội. Ở những địa phương có rừng, hằng tháng đưa vào chương trình công tác của cấp ủy đảng, chính quyền để kiểm điểm, đánh giá và bàn các giải pháp bảo vệ và phát triển rừng, quản lý đất lâm nghiệp. Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, địa phương phải chịu trách nhiệm chính về các vụ phá rừng, cháy rừng, mất rừng thuộc phạm vi, lĩnh vực, địa bàn mình quản lý hoặc để tổ chức, cá nhân cấp dưới vi phạm các quy định pháp luật về quản lý, bảo vệ rừng.

2. Tăng cường công tác quản lý nhà nước và nâng cao giá trị kinh tế rừng, tạo sinh kế bền vững cho người dân

Lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết, đồng thời chỉ đạo chính quyền địa phương triển khai các phương án, dự án, kế hoạch lâm nghiệp trọng điểm phát triển kinh tế lâm nghiệp một cách bền vững.

Khuyến khích phát triển kinh tế rừng bằng trồng cây lâm nghiệp đa mục tiêu gắn với trồng cây dược liệu dưới tán rừng nhằm nâng cao năng suất, giá trị, hiệu quả trên đơn vị diện tích đất. Tổ chức rà soát, kiện toàn các Ban quản lý rừng theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả phù hợp với điều kiện của tỉnh. Phát triển, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; nâng cao trình độ quản lý nhà nước cho đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật trong các cơ quan, đơn vị, bộ phận quản lý nhà nước về lâm nghiệp.

Chỉ đạo rà soát, điều chỉnh và quản lý chặt chẽ diện tích quy hoạch 03 loại rừng. Việc điều chỉnh phải tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch, nguyên tắc rừng tự nhiên và được đưa vào quy hoạch lâm nghiệp. Đối với diện tích đất không có rừng, tập trung chỉ đạo trồng rừng thay thế. Xác lập chủ rừng để gắn

quyền và trách nhiệm theo quy định của pháp luật; hoàn thành việc đo đạc, cắm mốc ranh giới, lập hồ sơ địa chính, giao đất, cho thuê đất, cấp chứng nhận quyền sử dụng đất gắn với việc giao rừng, cho thuê rừng. Hình thành các tổ, đội bảo vệ rừng do chính người dân đề cử để bảo vệ các diện tích rừng có nguy cơ bị xâm hại.

Tổ chức rà soát, đánh giá, tổng kết các chương trình dự án đầu tư trong lĩnh vực lâm nghiệp; kịp thời nhân rộng những mô hình hiệu quả phù hợp với thực tiễn của tỉnh. Tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm về quyền hưởng lợi đối với diện tích rừng trồng có nguồn gốc từ chương trình 327, dự án 661. Rà soát, xử lý các dự án chậm tiến độ, nhất là các dự án đã được giao đất, cho thuê đất để trồng rừng; kiên quyết thu hồi đối với các dự án trồng rừng không hiệu quả.

Quản lý, bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng tự nhiên, bảo tồn, phát huy đa dạng sinh học, bảo vệ động vật, thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm gắn với phát triển du lịch xanh, du lịch sinh thái. Đẩy mạnh khoanh nuôi và phục hồi rừng phòng hộ, đặc dụng, rừng sản xuất là rừng tự nhiên. Xây dựng, triển khai kế hoạch hành động giảm phát thải khí nhà kính, quản lý bền vững tài nguyên rừng nhằm nâng cao trữ lượng các-bon rừng để chủ động tham gia thị trường các-bon trong nước và quốc tế.

Nghiên cứu triển khai các mô hình du lịch trải nghiệm, khám phá hệ sinh thái rừng dựa trên nguyên tắc không làm thay đổi cảnh quan và hệ sinh thái rừng. Từng bước đầu tư hoàn thiện hạ tầng lâm nghiệp đảm bảo việc vận chuyển, trồng và khai thác lâm sản, phòng cháy, chữa cháy rừng; tăng dần diện tích rừng đạt tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững (FSC), đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn của thị trường lâm sản. Sản xuất cây giống chất lượng cao phục vụ trồng rừng gỗ lớn; đẩy mạnh phát triển chuỗi liên kết sản xuất trong lâm nghiệp, chú trọng các hình thức liên kết bền vững giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm từ gỗ rừng trồng.

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc quản lý bảo vệ và phát triển rừng, xây dựng và triển khai thực hiện tốt quy chế phối hợp đảm bảo sự điều hành thống nhất, chặt chẽ, thường xuyên, có hiệu quả giữa các cấp, các ngành; phát huy trách nhiệm của cơ quan bảo vệ pháp luật trong bảo vệ và phát triển rừng.

3. Triển khai các chính sách của Trung ương đảm bảo hiệu quả, huy động nguồn lực để bảo vệ và phát triển rừng bền vững

Tiếp tục thực hiện chính sách giao khoán bảo vệ rừng. Công khai, minh bạch, đơn giản các thủ tục hành chính nhằm thu hút các tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ, phát triển rừng, chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ. Xây dựng các chính sách, các tiêu chuẩn, định mức lâm sinh phù hợp với thực tiễn.

Huy động và lồng ghép các nguồn vốn thuộc chương trình, kế hoạch, dự án của trung ương, nguồn vốn của địa phương theo hướng giảm dần tỷ trọng đầu tư từ nhà nước, tăng cường các nguồn vốn xã hội hóa lâm nghiệp như: Dịch vụ môi trường rừng, tín chỉ các-bon, vốn doanh nghiệp, tái đầu tư trồng rừng sau khai thác và kêu gọi các nguồn vốn hợp pháp khác.

4. Ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý, bảo vệ phát triển rừng và nâng cao giá trị kinh tế lâm nghiệp

Chú trọng ứng dụng khoa học và công nghệ trong chọn, tạo bộ giống cây lâm nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu giống tốt, trồng rừng thâm canh, trồng rừng gỗ lớn, trồng dược liệu dưới tán rừng. Thúc đẩy phát triển các mô hình trồng rừng cung cấp lâm sản ngoài gỗ, đa tác dụng, đa mục tiêu. Khuyến khích nhân dân phát triển kinh tế lâm nghiệp tuần hoàn.

Nghiên cứu thử nghiệm các loài cây lâm nghiệp có giá trị kinh tế để thay thế diện tích trồng rừng kém hiệu quả. Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ vào quản lý, bảo vệ rừng, sản xuất nguyên liệu, chế biến lâm sản. Đẩy mạnh sử dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong công tác lãnh đạo, quản lý bảo vệ và phát triển rừng.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức tốt việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết; xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện; định kỳ hằng năm báo cáo kết quả thực hiện.

2. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết và chỉ đạo thực hiện đạt hiệu quả. Định kỳ 06 tháng, một năm báo cáo kết quả thực hiện.

3. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các ban đảng Tỉnh ủy tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy chương trình kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch triển khai, học tập, quán triệt Nghị quyết; chỉ đạo, định hướng các cơ quan thông tin, truyền thông thường xuyên tuyên truyền việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

5. Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các ban đảng Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện; tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để báo cáo),
- Các ban xây dựng đảng Trung ương,
- Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh,
- Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh,
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các sở, ngành của tỉnh,
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Đặng Quốc Khánh